

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

LÊ DIỄM THU
NGUYỄN THỊ VÂN

Công nghiệp hỗ trợ được coi là xương sống của nền công nghiệp quốc gia, song tại Việt Nam, ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của đất nước. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, ngành công nghiệp hỗ trợ đã và đang được Chính phủ, các cấp, các ngành quan tâm đầu tư phát triển. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích vai trò, hiện trạng phát triển, những thuận lợi và khó khăn của ngành công nghiệp hỗ trợ trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp về đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam.

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Thuật ngữ công nghiệp hỗ trợ (Supporting Industries - SI) bắt đầu xuất hiện từ Nhật Bản giữa thập kỷ 1980. Việc tăng giá của đồng yên so với đồng đô la sau khi hiệp định Plaza ra đời (tháng 9/1985), đã ảnh hưởng lớn tới các doanh nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản. Do vậy, các doanh nghiệp phải chuyển hoạt động sản xuất các sản phẩm và dịch vụ công

nghiệp sang các nước có nguồn lao động giá rẻ hơn. Tuy nhiên, ngành công nghiệp này lại yếu kém tại các nước đang phát triển nên doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh phụ kiện từ các nhà cung cấp Nhật Bản. Chính vì vậy, Nhật Bản đã đầu tư trực tiếp vào các nước ASEAN (Thailand, Malaysia, Philippines và Indonesia) nhằm thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất những vật dụng như nguyên liệu thô, công cụ máy móc, phụ tùng và linh kiện lắp ráp (gồm ô tô, điện, điện tử)... Sau thập kỷ 1990, SI được phát triển mạnh ở các nước Đông Á.

Thuật ngữ SI được sử dụng rộng rãi ở

Lê Diễm Thu. Thạc sĩ. Trung tâm Kinh tế học. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.
Nguyễn Thị Vân. Thạc sĩ. Trung tâm Kinh tế học. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm các nước phát triển và đang phát triển. Theo lý thuyết kinh tế của Junichi Mori (2005, tr. 7), SI được định nghĩa là các ngành sản xuất cung cấp các yếu tố đầu vào (manufactured inputs) của quá trình sản xuất công nghiệp; ngoài ra, còn bao gồm các sản phẩm, hàng hóa trung gian (intermediate goods) và sản phẩm, hàng hóa phục vụ quá trình sản xuất (capital goods).

Tại Việt Nam, khái niệm SI được sử dụng chính thức năm 2004, nhưng SI chỉ được định nghĩa rõ nhất qua *Quyết định 12/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển ngành SI*: “SI là ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng, linh kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho các ngành sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất và sản phẩm tiêu dùng”.

Tùy theo hoàn cảnh, mục đích sử dụng và sự phát triển của mỗi quốc gia, SI có những định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, SI có chung những đặc điểm sau:

- Mỗi quan hệ giữa con người và máy móc trong môi trường làm việc đòi hỏi tính chuyên môn hóa cao và có trình độ nhất định.
- Dây chuyền tổ chức sản xuất có tính phối hợp, thống nhất và tính hợp tác cao giữa các doanh nghiệp đầu tư và doanh nghiệp hỗ trợ.
- Gắn kết với ngành công nghiệp hoặc sản phẩm công nghiệp có chất lượng cao.
- Qui mô hoạt động của các doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ với trình

độ chuyên môn hóa cao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc đổi mới sản xuất, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

2. VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ phụ thuộc nhiều vào bối cảnh và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế (Christosphe và cộng sự, 2011). Nói cách khác, vai trò của SI cũng sẽ thay đổi để phù hợp với nền kinh tế toàn cầu. Li L., Vinten G. (1997) and Ohno (2006) cho rằng công nghiệp hóa của một quốc gia là một sản phẩm của quá trình hiện đại hóa trình độ sản xuất và cấu trúc ngành từ thấp đến cao. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ nền công nghiệp sản xuất giản đơn sang nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao với sự hỗ trợ của các doanh nghiệp nước ngoài. Phát triển công nghiệp hỗ trợ không những là động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là nền tảng cho việc phát triển bền vững các ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam, mà còn có những vai trò chủ yếu sau:

1) *Khai thác tối đa các nguồn lực trong nước, giảm xuất khẩu các nguyên phụ liệu, tạo nên lợi thế cạnh tranh của sản phẩm*: tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, từ gia công đến lắp ráp và phân phối sản phẩm theo hướng nội địa hóa, nhằm giảm nhập khẩu linh kiện, nguyên vật liệu và tiến tới thay thế hoàn toàn các

sản phẩm nhập khẩu. Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm qua chất lượng, giá thành, chi phí sản xuất, vệ sinh môi trường và thời hạn giao hàng của doanh nghiệp... Việc chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sẽ giảm nhập siêu, hạ giá thành sản phẩm, mang lại giá trị gia tăng cao trong xuất khẩu.

2) *Công nghiệp hỗ trợ thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*: Phát triển SI sẽ giúp các doanh nghiệp lựa chọn hướng sản xuất chuyên môn hóa dựa theo lợi thế và năng lực của từng doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. SI bao trùm số lượng lớn các ngành công nghiệp khác nhau nên ngành này đang thu hút một số lượng lớn lao động. Các công đoạn của SI thường do doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện, vì vậy, SI phát triển sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ nội địa phát triển. Tuy nhiên, các doanh nghiệp phải có sự chuẩn bị đầu tư (nhân lực, vật lực...) mới đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

3) *SI làm tăng khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đón nhận chuyển giao công nghệ và nâng cao trình độ sản xuất*: Các công ty nước ngoài, mà chủ yếu là các tập đoàn đa quốc gia, khi lựa chọn địa điểm đầu tư thường không chỉ xét đến lợi thế về nhân công mà còn tính đến các lợi thế so sánh khác trong đầu tư sản xuất như linh kiện, phụ tùng, dịch vụ sản xuất,... những yếu tố giúp họ cạnh tranh được về giá và chất lượng sản

phẩm. Vì vậy SI phát triển sẽ thu hút được các công ty nước ngoài, tạo mối liên kết chặt chẽ trong sản xuất và kinh doanh giữa các doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong việc tham gia vào mạng lưới chuyển giao công nghệ, nâng cao công nghệ sản xuất và kỹ năng quản lý.

4) *SI phát triển sẽ tạo thêm việc làm và thu nhập cho người lao động*: khai thác lợi thế sẵn có của các địa phương, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống của người lao động.

5) *SI làm tăng tính chủ động trong phát triển kinh tế của đất nước, giảm sự phụ thuộc vào bên ngoài*: SI được coi là ngành xương sống của công nghiệp quốc gia. Nếu SI trong nước không phát triển thì các ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp sẽ phải lệ thuộc vào nước ngoài, đặc biệt nếu có sự biến động về quan hệ kinh tế, chính trị,... nền kinh tế trong nước sẽ bị ảnh hưởng lớn, rủi ro cao. Vì vậy, ngành SI có năng lực cạnh tranh tốt sẽ đảm bảo cho các sản phẩm công nghiệp có tính cạnh tranh cao, giảm sự lệ thuộc từ bên ngoài, góp phần ổn định và phát triển kinh tế của đất nước.

3. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc phát triển SI, thời gian qua, Nhà nước đã ban hành một số văn bản nhằm đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp hỗ trợ, như Quyết định

Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp sản xuất linh kiện phụ tùng

Năm	2005 (1)	2011	2012	2013* (2)	SS (2)/(1) (lần)	TTBQ (%/năm) 2005 - 2013
1. Tổng số doanh nghiệp công nghiệp	25.874	54.341	56.177	58.013	2,24	10,6%
2. Tổng số doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng	542	1.123	1.253	1.383	2,55	12,42%
- Linh kiện phụ tùng kim loại	304	552	604	656	2,16	10,09%
- Linh kiện điện-điện tử	125	322	369	416	3,33	16,22%
- Linh kiện nhựa-cao su	113	249	280	311	2,75	13,49%
3. Tỷ lệ tổng số doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng so với tổng số doanh nghiệp công nghiệp (%)	2,09	2,07	2,23	2,38		

Chú thích: *: Dự kiến; SS: So sánh; TTBQ: Tăng trưởng bình quân.

Nguồn: Báo cáo của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về *Dự thảo nghị định phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ*, 2013.

số 34/2007/QĐ-BCN về việc phê duyệt *Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020* của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), Quyết định 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ *Về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ...* Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam bước đầu đã thu được một số kết quả nhất định.

Bảng 1 cho thấy, trong gần 10 năm trở lại đây, số lượng các doanh nghiệp công nghiệp tăng dần qua các năm. Năm 2005, cả nước có 25.874 doanh nghiệp công nghiệp, đến năm 2013 có 58.013 doanh nghiệp, tăng 2,24 lần so với năm 2005. Cùng với sự gia tăng của các doanh nghiệp công nghiệp, số lượng các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng của ngành công nghiệp hỗ trợ cũng tăng dần qua các năm. Năm 2005 chỉ có 542 doanh nghiệp sản xuất linh

kiện, phụ tùng, đến năm 2013 số lượng các doanh nghiệp này là 1.383 doanh nghiệp, tăng 2,55 lần so với năm 2005. Số lượng doanh nghiệp sản xuất phụ tùng kim loại từ 304 doanh nghiệp năm 2005 tăng lên 656 doanh nghiệp vào năm 2013 (tăng 2,16 lần); số lượng doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện - điện tử có sự gia tăng cao nhất, với 125 doanh nghiệp năm 2005 tăng lên 416 doanh nghiệp năm 2013 (tăng 3,33 lần); doanh nghiệp lắp ráp linh kiện nhựa-cao su có 113 doanh nghiệp năm 2005 đã tăng lên 311 doanh nghiệp năm 2013 (tăng 2,75 lần). Tăng trưởng bình quân về số lượng của các doanh nghiệp công nghiệp trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2013 đạt 10,6%, còn của các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng đạt 12,42%. Đây là mức tăng trưởng khá về số lượng các doanh nghiệp công nghiệp cũng như doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng.

Nhưng dù vậy các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong các doanh nghiệp công nghiệp. Số liệu Bảng 1 cho thấy, năm 2005 tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng chiếm 2,09% so với tổng số doanh nghiệp công nghiệp, đến năm 2013, tỷ lệ này vẫn chỉ đạt 2,38%. Điều đó cho thấy khả năng đáp ứng về linh kiện, phụ tùng cho các doanh nghiệp công nghiệp chiếm tỷ trọng không đáng kể so với nhu cầu của các doanh nghiệp. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới kim ngạch nhập khẩu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam luôn ở mức cao, ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển công nghiệp cũng như nền kinh tế của đất nước.

Hiện nay, ngoại trừ ngành sản xuất xe máy được coi là ngành có công nghiệp hỗ trợ cao nhất với tỷ lệ sử dụng linh kiện trong nước của các nhà lắp ráp tại Việt Nam chiếm 85-90%, các ngành còn lại tỷ lệ rất thấp (xem Bảng 2). Nghiên cứu của Phạm Tất Thắng (2013) cho thấy: trong ngành sản xuất xe máy, hầu hết các linh kiện của xe số, kể cả linh kiện động cơ, đều đã được sản xuất trong

Bảng 2. Tỷ lệ sử dụng linh kiện trong nước của các nhà lắp ráp tại Việt Nam năm 2013

Lĩnh vực hạ nguồn	Tỷ lệ % cung ứng trong nước
Xe máy	85-90%
Ô tô	15-40%
Sản xuất thiết bị đồng bộ	20%
Sản xuất máy nông nghiệp, máy động lực	40-60%
Sản xuất máy công nghiệp	40%
Công nghiệp công nghệ cao	10%

Nguồn: Báo cáo của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo nghị định phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, 2013.

Bảng 3: Tỷ lệ sử dụng linh kiện điện-điện tử nội địa của các nhà lắp ráp ở Việt Nam năm 2013

Lĩnh vực hạ nguồn	Tỷ lệ % cung ứng trong nước
Điện tử gia dụng	30-35%
Điện tử tin học, viễn thông	15%
Điện tử chuyên dụng	5%
Ô tô-xe máy	40%
Công nghiệp công nghệ cao	5%

Nguồn: Báo cáo của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo nghị định phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, 2013.

nước. Các sản phẩm chính trong xe máy hầu hết đã được sản xuất với số lượng lớn, đạt tiêu chuẩn lắp ráp và tạo thành hệ thống cung ứng khá hiệu quả. Mặc dù vậy, nhiều linh kiện, chi tiết quan trọng có giá trị cao vẫn do các nhà cung ứng FDI thực hiện, công nghiệp hỗ trợ cho các ngành khác như điện tử, ô-tô còn rất yếu kém.

Các ngành giày da, may mặc, điện tử... được đánh giá là phát triển mạnh với kim ngạch xuất khẩu nhiều tỷ USD, song do nguồn "đầu vào" vẫn phải phụ thuộc rất nhiều từ nhập khẩu nên giá trị gia tăng mới không

cao. Nghiên cứu của Hà Nguyễn (2014) cho thấy: tỷ lệ nội địa hóa trong ngành dệt may hiện chỉ là 35-40%; giày dép: 30%; điện tử: 30%. Con số này ở Trung Quốc, Thái Lan là 50-60%... Không chỉ có tỷ lệ nội địa hóa thấp, mà những doanh nghiệp cung ứng nguyên phụ liệu cho sản xuất phần đông là doanh nghiệp FDI, do chính các nhà sản xuất lớn thu hút đầu tư sang Việt Nam. Hệ quả tất yếu là giá trị gia tăng mà Việt Nam thu về khá thấp.

Theo Bộ Công Thương (2013), các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phần lớn do doanh nghiệp nhà nước sản xuất và cung cấp theo mô hình tích hợp theo chiều dọc. Một sản phẩm từ khâu thiết kế đến chế tạo linh kiện, lắp ráp và phân phối sản phẩm chỉ thực hiện trong một doanh nghiệp nên có chất lượng thấp, giá thành cao (do công nghệ lạc hậu, thiếu nhân công có tay nghề cao, kỹ năng quản lý kém...) nên các sản phẩm đa số chỉ tiêu thụ được ở thị trường trong nước. Số liệu Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ sử dụng linh kiện điện-điện tử nội địa của các nhà lắp ráp ở Việt Nam đối với ngành điện tử gia dụng chiếm 30-35%; điện

tử tin học, viễn thông chiếm 15%, lĩnh vực công nghệ cao và điện tử gia dụng chỉ đáp ứng được 5%, ngoại trừ lĩnh vực ô tô-xe máy chiếm 40%. Chính vì vậy, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường quốc tế thấp, và đó là một trở ngại lớn đối với các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam (xem Bảng 3).

Theo Nguyễn Đình Luận (2014, tr. 25), ngành SI hiện lệ thuộc gần 80% vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Rất nhiều lĩnh vực công nghiệp đặt ra mục tiêu, kế hoạch nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, cùng với đó là việc triển khai các chính sách ưu đãi, nhưng hầu như chưa có lĩnh vực nào đạt kết quả như mong muốn. Thực trạng này là do có quá ít doanh nghiệp Việt Nam làm công nghiệp hỗ trợ, nếu có thì chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì. Hiện tại, phần lớn các nhà cung cấp linh kiện phụ tùng cho các công ty nước ngoài là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khoảng cách về tiêu chuẩn chất lượng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước còn khá lớn. Phần lớn các doanh nghiệp trong nước có quy mô nhỏ và vừa nên khả năng đáp ứng về yêu

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ năm 2013

TT	Mặt hàng nhập khẩu	Năm 2013 (tỷ USD)	Năm 2014 dự kiến (tỷ USD)
1	Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	17,69	23,90
2	Điện thoại các loại và linh kiện	7,60	11,80
3	Kim loại và các sản phẩm từ kim loại	13,00	14,40
4	Dệt may và da giày	14,85	17,50
	Tổng cộng	53,14	67,60

Nguồn: Báo cáo của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về *Dự thảo nghị định phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ*, 2013.

cầu chất lượng kém. Trong khi đó, các doanh nghiệp nhà nước trong ngành công nghiệp hỗ trợ vẫn duy trì phong cách làm ăn tự cung tự cấp, thiếu liên kết đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên hiệu quả đem lại không cao.

Số liệu Bảng 4 cho thấy, hiện nay Việt Nam đã và đang phải nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ở mức rất cao. Năm 2013, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là 53,14 tỷ USD, năm 2014 đã tăng lên 67,6 tỷ USD, sản phẩm phải nhập nhiều nhất là mặt hàng đòi hỏi công nghệ, kỹ thuật cao như máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: năm 2013 kim ngạch nhập khẩu là 17,69 tỷ USD, năm 2014 là 23,9 tỷ USD.

Như vậy, mặc dù đã thu được một số kết quả nhất định trong quá trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhưng kết quả đạt được còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của đất nước.

4. MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM

4.1. Thuận lợi

Trong nhiều năm trở lại đây, Chính phủ cũng như Bộ, ngành các cấp đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện, và có nhiều ưu đãi cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Vì vậy, số lượng doanh nghiệp công nghiệp tăng dần trong những năm gần đây. Đó là yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam.

Bên cạnh tiềm năng về số lượng doanh nghiệp, Việt Nam hiện là một nước có cơ cấu dân số “vàng” với tỷ lệ số người trong độ tuổi lao động chiếm 59,25% (Tổng cục Thống kê, 2014) và là quốc gia có nền chính trị xã hội ổn định trong khu vực Đông Nam Á. Lợi thế này cùng với nguồn lao động dồi dào và chi phí nhân công rẻ là điểm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan... trong việc phát triển công nghiệp hỗ trợ trên các lĩnh vực: xe hơi, điện tử, dệt may, da giày, cơ khí chế tạo...

Ngoài ra, Việt Nam có tiềm năng lớn đối với ngành công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm các ngành xuất khẩu, như: hóa dầu, chế biến nông sản xuất khẩu, công nghệ thông tin... do Chính phủ có nhiều chính sách ưu đãi để đầu tư phát triển (vốn, cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất đặc biệt là chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi đất...). Những chính sách này đã góp phần tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm và mở rộng thị trường ở Việt Nam, đồng thời làm gia tăng số lượng doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp tư nhân tham gia vào công nghiệp hỗ trợ.

4.2. Khó khăn

Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định về chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, song sau nhiều năm thực hiện, đến nay công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn sơ khai và còn nhiều yếu kém. Việt Nam hiện có nhiều ngành sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng phần

lớn số ngoại tệ thu về lại được sử dụng để nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện phục vụ cho sản xuất, vì vậy giá trị gia tăng mới không cao.

Công nghiệp hỗ trợ còn manh mún, kém phát triển, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy, công nghiệp dệt may, giày da... Số lượng các doanh nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam còn quá thấp so với sự phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp. Công nghệ của các doanh nghiệp hỗ trợ còn lạc hậu, khả năng cạnh tranh thấp. Vì vậy, khả năng cung ứng các linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất ở trong nước thấp.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ gặp khó khăn về vốn và kỹ thuật và đầu ra của sản phẩm do quy mô thị trường quá nhỏ. Thực tế, luôn tồn tại một khoảng cách quá lớn giữa yêu cầu về chất lượng sản phẩm, giá bán và thời hạn giao hàng của các doanh nghiệp nước ngoài so với khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp Việt Nam. Đặc điểm của ngành công nghiệp hỗ trợ là phải có vốn đầu tư lớn, sản lượng nhiều mới có thể giảm giá thành và đảm bảo chất lượng. Đây là khó khăn lớn nhất của nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong ngành SI. Khó khăn này càng tăng lên nếu không có những hỗ trợ cần thiết của các cơ quan chức năng về kỹ thuật và công nghệ.

Các doanh nghiệp hỗ trợ có sức cạnh tranh của chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, thời hạn giao hàng và giá thành cao. Đồng

thời, tính liên kết giữa các ngành kinh tế, giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa, giữa các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ còn rời rạc, yếu kém, chưa tạo dựng được mối quan hệ hợp tác chiến lược với đối tác, bạn hàng.

Các chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ được Chính phủ ban hành năm 2011 nhưng không có các giải pháp chi tiết cụ thể, khiến các doanh nghiệp, địa phương lúng túng trong việc triển khai áp dụng.

Thời gian tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) 2015 đang đến gần, Việt Nam cần chuẩn bị cho mình hành trang bước vào cuộc cạnh tranh hội nhập với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Điều đó đòi hỏi ngành công nghiệp hỗ trợ phải phát triển rất nhanh mới đáp ứng nhu cầu cấp thiết hiện nay.

5. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM

Để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- *Cần có chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp*: Để sử dụng tối đa các nguồn nhân lực và tài chính, chính phủ Việt Nam cần xác định rõ ràng số lượng những trụ cột cần ưu tiên trong phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ. Không nên dùng biện pháp hành chính hoặc thuế quan ép buộc công ty đa quốc gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, mà điều tiên quyết là phải có chính sách hỗ trợ khả năng cung cấp

sản phẩm tại chỗ. Nếu các ngành hỗ trợ trong nước phát triển, cung cấp đầy đủ và kịp thời các linh kiện và bộ phận với giá thành rẻ và chất lượng cao thì thông qua cơ chế thị trường, tỷ lệ nội địa hóa sẽ tăng. Chính phủ cần có những chính sách cải thiện về hành chính, hỗ trợ vốn và thông tin,... để thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực này phát triển. Cần có những biện pháp để các công ty nhà nước trong lĩnh vực SI tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài trong thời gian tới. Ngoài ra, cần có chính sách khuyến khích đầu tư, khuyến khích chuyển giao công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ tìm kiếm, điều tiết thị trường, tạo mặt bằng, nhà xưởng cho thuê để sản xuất kinh doanh đối với các công ty, tập đoàn nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp nội địa để họ phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- *Quy hoạch các khu/cụm công nghiệp theo hướng quy hoạch các ngành sản xuất liên quan để hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên chuỗi giá trị của sản phẩm*, bao gồm không chỉ các nhà sản xuất, mà còn cả các nhà cung cấp vật liệu, cho thuê máy móc thiết bị, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, cơ sở hạ tầng,... Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ theo khu/cụm công nghiệp nhằm tối ưu hóa qui trình sản xuất, tạo điều kiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hóa trong ngành cao hơn, đồng thời tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp SI với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng. Nên thí điểm xây dựng các khu/cụm công

nghiệp chuyên biệt ở một số địa phương đang phát triển năng động, có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các nhà thầu, các nhà cung cấp nguyên vật liệu...

- Có chính sách ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong các doanh nghiệp SI: Nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của công nghiệp hỗ trợ chính là nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam hiện nay được xếp loại là dân số trẻ, với lực lượng lao động khoảng hơn 53 triệu người (Tổng cục Thống kê, 2014), có thể cung cấp một lượng lao động lớn mà không gặp bất kỳ một trở ngại nào. Tuy nhiên, Việt Nam lại thiếu đội ngũ quản lý, kỹ sư, công nhân có trình độ chuyên môn cao. Vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực cần phải có một chiến lược rõ ràng, bao gồm đội ngũ các nhà quản lý, các kỹ sư và lao động lành nghề cho ngành SI. Để đạt được điều đó, cần đầu tư vào các cơ sở đào tạo, từ trường đại học, trường cao đẳng kỹ thuật cho đến các trung tâm đào tạo nghề để từng bước nâng cao chất lượng của những người lao động trong ngành SI.

Cụ thể, có thể liên kết với một số trường đại học, cao đẳng có uy tín ở những nước có ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển, cử kỹ sư, công nhân có tay nghề sang học hỏi, hoặc mở trường lớp đào tạo chuyên sâu ngay tại Việt Nam và mời các chuyên gia sang đào tạo. Từ liên kết đào tạo với các doanh nghiệp sẽ tạo nền tảng

vững chắc về nguồn nhân lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam. Sở Công thương và các sở ngành liên quan cần phối hợp các doanh nghiệp có nhu cầu về các sản phẩm hỗ trợ với các doanh nghiệp có khả năng sản xuất những sản phẩm này để liên kết, hợp tác. Đây là cách thức rất hiệu quả để các doanh nghiệp trong tỉnh tạo thêm bạn hàng mới, mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ, thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm hỗ trợ của mình, bớt sự phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài.

- *Xây dựng quỹ đầu tư công nghiệp hỗ trợ*: Doanh nghiệp SI tại Việt Nam thường yếu về vốn, không đủ sức để đầu tư vào công nghệ và thiết bị mới, vì vậy, không đủ năng lực sản xuất ra các loại linh kiện, phụ tùng chất lượng cao. Việc lập quỹ đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam có qui mô vừa và nhỏ tiếp cận được nguồn vốn một cách dễ dàng. Bên cạnh đó, các hoạt động như ủy thác cho vay thông qua ngân hàng thương mại, bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay,... sẽ giúp các doanh nghiệp có thể đầu tư hiện đại hóa máy móc, thiết bị, hay sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu

cung cấp cho các doanh nghiệp khác nhằm nhanh chóng đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, nâng cao nguồn cung cấp linh kiện, phụ tùng cho các hãng lắp ráp lớn. Tăng cường hỗ trợ khởi nghiệp cho các doanh nghiệp hỗ trợ (đa số đều có quy mô vừa và nhỏ) như: cho vay giai đoạn đầu, vay để mở rộng sản xuất, mua công nghệ. Nếu tài sản thế chấp không đủ thì có thể xem xét cho vay tín chấp, tương tự như quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- *Thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển SI tại Việt Nam*: Cần có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các dự án FDI, các tập đoàn đa quốc gia vào sản xuất SI, chẳng hạn sửa đổi các chính sách về thuế liên quan đến công nghiệp hỗ trợ, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi thuế cá nhân... để thu hút các chuyên gia nước ngoài tới giúp Việt Nam phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

- *Thành lập một số trung tâm phi lợi nhuận để hỗ trợ cho doanh nghiệp*, như: trung tâm thí nghiệm, trung tâm tạo khuôn mẫu... để giúp doanh nghiệp có nhu cầu kiểm tra chất lượng, tạo mẫu mới, có thể đến các trung tâm này để được giúp đỡ miễn phí. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Báo cáo của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về *Dự thảo nghị định phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ*, 2013.
2. Christophe M., Mena C., Khan O., Yurt O. 2011. *External Technology Sourcing: Evidence from Design-driven innovation*. Management Decision, Vol. 49, Iss. 6.
3. Hà Nguyễn. 2014. *Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam không sản xuất nổi cái ốc vít*. <http://baodautu.vn/cong-nghiep-ho-tro-viet-khong-san-xuat-noi-cai-oc-vit.html>, ngày 16/9/2014.

4. Li L., Vinten G. 1997. *An Overview of the Experiences of Chinese Industrialization Strategies and Development*. Managerial Auditing Journal, Vol. 12, Iss. 4/5.
5. Mori, J. 2005. *Development of Supporting Industries for Vietnam's Industrialization: Increasing Positive Vertical Externalities Through Collaborative Training*. Master of Arts in Law and Diplomacy Thesis, The Fletcher School.
6. Nguyễn Đình Luận. 2014. *Thực trạng ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam*. Tạp chí Tài chính, số 11.
7. Ohno K. 2006. *Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Malaysia và Nhật: Bài học kinh nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Lao động Xã hội.
8. Phạm Tất Thắng. 2013. *Phát triển công nghiệp hỗ trợ: một số vấn đề đặt ra*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=24104&print=true>, ngày 16/10/2013.
9. Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN về việc phê duyệt *Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020* của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).
10. Quyết định 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về *Chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ*.
11. Tổng cục Thống kê. 2014. *Điều tra lao động – việc làm hàng quý*. <http://www.gso.gov.vn>.
12. Người Lao động. 2014. *Samsung đầu tư vào Việt Nam, Việt Nam được gì*. <http://www.nguyentandung.org/samsung-dau-tu-vao-viet-nam-viet-nam-duoc-gi.html>, ngày 6/12/2014.